



校園性別平等教育宣導

TUYÊN TRUYỀN GIÁO DỤC BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG TRƯỜNG HỌC

參考法規：性別平等教育法、校園性騷擾性霸凌防治準則

Quy định tham khảo : Luật Giáo dục bình đẳng giới
hướng dẫn phòng chống quấy rối tình dục và bắt nạt trong trường học





校園性別事件

sự kiện giới tính trên nền tảng trường học

性侵害

指性侵害犯罪防治法所稱性侵害犯罪之行為

Hành vi xâm hại tình dục

Là hành vi tội phạm xâm hại tình dục được đề cập trong luật phòng chống tội phạm xâm hại tình dục

性騷擾

以明示或暗示之方式，從事不受歡迎且與性或性別有關之言詞或行為，致影響他人之人格尊嚴、學習、或工作之機會或表現者

Quấy rối tình dục

Sử dụng những từ ngữ hoặc hành vi không được chấp nhận và liên quan đến tình dục hoặc giới tính một cách rõ ràng hay ngầm ý, ảnh hưởng đến nhân phẩm, học tập, cơ hội việc làm hoặc hiệu suất của người khác

以性或性別有關之行為，作為自己或他人獲得、喪失或減損其學習或工作有關權益之條件者

Thực hiện hành vi liên quan tình dục hoặc giới tính làm điều kiện để bản thân hoặc người khác đạt được, bị mất hoặc bị giảm bớt các quyền lợi ích liên quan đến học tập hoặc công việc

性霸凌

指透過語言、肢體或其他暴力，對於他人之性別特徵、性別特質、性傾向或性別認同進行貶抑、攻擊或威脅之行為且非屬性騷擾者

Bắt nạt tình dục

Thực hiện hành vi xúc phạm, tấn công hoặc đe dọa đặc điểm giới tính, đặc tính giới tính, khuynh hướng tình dục hoặc chê bai giới tính của người khác thông qua bằng lời nói, bạo lực thể chất hoặc hình thức bạo lực khác, không phải là hành vi quấy rối tình dục

性騷擾行為有哪些?

HÀNH VI QUẤY RỐI TÌNH DỤC LÀ GÌ?

無故暴露隱私處

Cố ý để lộ vùng nhạy cảm

展示或傳閱騷擾文字
色情圖片、影片

Hiển thị hoặc lưu hành văn bản quấy rối
Hình ảnh và video khiêu dâm

偷拍、偷窺、緊盯身體隱私部位

Chụp lén, nhìn trộm,
Đề ý tới bộ phận nhạy cảm trên cơ thể

跟蹤、尾隨或
不受歡迎的追求

Theo dõi, bám đuôi hoặc sự
theo đuổi không được đón nhận

羞辱、貶抑、敵意
或騷擾的言詞與態度

Sự sỉ nhục, coi thường, sự thù địch
hoặc lời nói và thái độ quấy rối

趁機親吻、擁抱

Tận dụng cơ hội để hôn và ôm

毛手毛腳、觸摸臀部
或其他身體隱私部位

Động tay động chân, sờ mông
hoặc các bộ phận nhạy cảm khác của cơ thể

掀裙子、脫褲子、偷窺裙底

Vén váy, cởi quần, Nhìn trộm váy

開別人性別氣質
或性傾向玩笑

Chế nhạo giới tính, tính khí của
người khác hoặc xu hướng tính dục

性騷擾迷思

TƯ TƯỞNG SAI LỆCH VỀ QUẤY RỐI TÌNH DỤC

男生不可能被性騷擾/性侵害

Con trai không thể bị quấy rối tình dục/xâm hại tình dục

女性雖為高危險群，但男性也可能遭受性騷擾或性侵害

Mặc dù nữ giới là nhóm có nguy cơ cao, nhưng nam giới cũng có thể bị quấy rối hoặc xâm hại tình dục

因為他/她行為不檢、衣著暴露，才會引來性騷擾/性侵害

Vì anh ấy/cô ấy cư xử không đúng mực và ăn mặc hở hang nên dẫn đến hành vi quấy rối/xâm hại tình dục

事實上，從零歲幼兒到八十多歲的老年人，都可能成為被害人，無論受害人的外貌裝扮和性別氣質如何，每個人都應該受到尊重

Trên thực tế, bất kỳ ai từ một đứa trẻ mới biết đi cho đến một người già ở độ tuổi tám mươi đều có thể trở thành nạn nhân, bất kể ngoại hình hay giới tính của nạn nhân, mọi người đều phải được đối xử tôn trọng

沒有當場拒絕或反抗，所以不能算是性騷擾性侵害

không có sự từ chối hay phản kháng ngay lúc đó nên không thể coi là quấy rối, xâm hại tình dục

受害人可能在毫無防備下措手不及，或因權力不對等而到恐懼

Nạn nhân có thể mất cảnh giác mà không có bất kỳ biện pháp phòng vệ nào, hoặc quyền lực không đối xứng có thể dẫn đến sợ hãi

性騷擾迷思

TƯ TƯỞNG SAI LỆCH VỀ QUẤY RỐI TÌNH DỤC

加害者通常面目可憎、行為舉止怪異或社會階級較低

Thủ phạm thường ghê tởm, cư xử thất thường hoặc thuộc tầng lớp xã hội thấp hơn

事實上，加害人來自各個階層，千萬不可「以貌取人」

Trên thực tế, thủ phạm đến từ mọi tầng lớp xã hội, đừng bao giờ đánh giá một người qua vẻ bề ngoài.

性侵害的加害人通常是陌生人

Thủ phạm xâm hại tình dục thường là người lạ

80% 性侵害的加害人為受害人熟悉的人，遠高於陌生人！

80% thủ phạm tấn công tình dục là người quen của nạn nhân, nhiều hơn là người lạ!

性騷擾事件處理結束之後，「時間會治療一切」

Sau khi vụ việc quấy rối tình dục được giải quyết, “thời gian sẽ chữa lành mọi chuyên”

傷口癒合了，但傷疤會留下，時間並不能治療一切，千萬不要讓受害人獨自承受，將傷痛埋在內心深處，應鼓勵受害者尋求協助。

Vết thương đã lành nhưng vết sẹo vẫn còn, thời gian không thể chữa lành tất cả, đừng để nạn nhân chịu đựng một mình và chôn vùi nỗi đau sâu trong tim, nên động viên nạn nhân tìm kiếm sự giúp đỡ.



校內資源 | 諮商輔導中心 校外資源 | 張老師、心衛中心、心理諮商所

NGUỒN LỰC TRONG TRƯỜNG - TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ HỖ TRỢ TÂM LÝ | NGUỒN LỰC BÊN NGOÀI - CÔ TRƯỞNG, TRUNG TÂM TƯ VẤN TÂM LÝ SỨC KHỎE



遇到性騷擾該怎麼辦

Phải làm gì nếu gặp phải quấy rối tình dục

保持冷靜

Giữ bình tĩnh

不要驚慌，不是你的錯！

Đừng hoảng sợ, đó không phải lỗi do bạn!

勇敢說不

Dũng cảm nói không

要求對方立即停止行為，或想辦法離開現場

Yêu cầu đối phương dừng ngay hành vi đó hoặc tìm cách rời khỏi hiện trường

大聲呼喊

hét to

讓對方停止行為，清楚記下性騷擾發生的情境（人事時地物）

Yêu cầu người kia dừng hành vi của họ và phải ghi lại rõ ràng hoàn cảnh xảy ra hành vi quấy rối tình dục. (con người, sự việc, thời gian, địa điểm)

申訴

Khiếu nại

尋找校園性平會、婦幼專線、警察等申訴管道

Tìm kiếm các kênh khiếu nại như hội nghị bình đẳng giới trong khuôn viên trường, đường dây nóng dành cho phụ nữ và trẻ em, sở cảnh sát để khiếu nại

校園申訴管道

Kênh khiếu nại của trường

性別平等教育委員會窗口

Cửa sổ Ủy ban Giáo dục Bình đẳng Giới



08-7799821

分機
Nhánh

8261



genderequity@meiho.edu.tw



北校區仁發樓學務長室 C301

Khu phía Bắc Tòa nhà Nhân Phát, Phòng C301

Trưởng phòng công tác sinh viên